

Số: 1752 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Mắt TPHCM do BS Nguyễn Minh Khải chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5537/QĐ-SYT ngày 08/8/2017 của Sở Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế; Quyết định số 3567/QĐ-SYT ngày 25/4/2019 của Sở Y tế về kiện toàn Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 02817/HCM-GPHĐ ngày 05/01/2019 của Sở Y tế cấp cho Bệnh viện Mắt TPHCM do BS Nguyễn Minh Khải chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

hnh



Xét hồ sơ tiếp nhận ngày 12/11/2019 của Bệnh viện Mắt TPHCM do BS Nguyễn Minh Khải chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật về việc đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 09/12/2019 của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế đối với danh mục kỹ thuật bổ sung của Bệnh viện Mắt TPHCM do BS Nguyễn Minh Khải chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế thực hiện tại Bệnh viện Mắt TPHCM do BS Nguyễn Minh Khải chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật tại địa chỉ số 280, đường Điện Biên Phủ, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phân đầu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Bệnh viện Mắt TPHCM chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, các tổ chức có liên quan và Giám đốc Bệnh viện Mắt TPHCM chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

kh

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Công Thông tin Điện tử SYT (để đăng tin);
- Lưu: VT, NVY (LHNT, NTT)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tăng Chí Thượng

Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh phê duyệt theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế được triển khai tại Bệnh viện Mắt TPHCM do BS Nguyễn Minh Khải chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật

(đính kèm theo Quyết định số 17.34/68-SYT ngày 16/12/2019 của Sở Y tế TPHCM)

III. NHỊ KHOA

(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhị)

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			3			
	1	2	A	B	C	D
		VII. GÂY MỀ HỜI SỨC				
1.	1349	GMHS phẫu thuật mắt ở trẻ em	x	x		
2.	1350	GMHS phẫu thuật mắt trên người bệnh có bệnh kèm theo	x	x		
		IX. MẮT				
3.	1521.	Phẫu thuật rạch giác mạc nan hoa điều trị cận thị	x			
4.	1522.	Phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)	x			
5.	1523.	Vá võ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong ± dùng sụn sườn)	x			
6.	1524.	Phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên	x			
7.	1525.	Phẫu thuật mổ bong võng mạc trên mắt độc nhất, gần mù	x	x		
8.	1526.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) đặt IOL trên mắt độc nhất, gần mù	x	x		
9.	1527.	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) ± IOL	x	x		
10.	1528.	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x		
11.	1529.	Phẫu thuật bong võng mạc tái phát	x	x		
12.	1530.	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch	x	x		
13.	1531.	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	x	x		
14.	1532.	Phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non	x	x		
15.	1533.	Tháo dầu Silicon nội nhãn	x	x		
16.	1534.	Bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau phẫu thuật cắt dịch kính điều trị bong võng mạc	x	x		

neh

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			3			
			A	B	C	D
17.	1535.	Cắt dịch kính + laser nội nhãn	x	x		
18.	1536.	Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc	x	x		
19.	1537.	Cắt dịch kính, khí nội nhãn điều trị lỗ hoàng điểm	x	x		
20.	1538.	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn	x	x		
21.	1539.	Lấy ấu trùng sản trong buồng dịch kính	x	x		
22.	1540.	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn	x	x		
23.	1541.	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính	x	x		
24.	1542.	Cắt dịch kính điều trị tổn thương dịch kính nguyên thủy	x	x		
25.	1543.	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính ± laser nội nhãn ± dầu/khí nội nhãn	x	x		
26.	1544.	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điện	x	x		
27.	1545.	Tháo đại độn cứng mạc	x	x		
28.	1546.	Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên	x	x		
29.	1547.	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mỏng mắt (Iridoplasty)	x	x		
30.	1548.	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x		
31.	1549.	Điều trị glôcôm bằng quang đông thể mi	x	x		
32.	1550.	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser	x	x		
33.	1551.	Phẫu thuật laser bệnh võng mạc sơ sinh (ROP)	x	x		
34.	1552.	Mở bao sau đục bằng laser	x	x		
35.	1553.	Laser hồng ngoại điều trị tật khúc xạ	x	x		
36.	1554.	Laser excimer điều trị tật khúc xạ	x	x		
37.	1555.	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vật) sau phẫu thuật Lasik	x	x		
38.	1556.	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser	x	x		

nh

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
39.	1557.	Phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị	x	x		
40.	1558.	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị	x	x		
41.	1559.	Lấy thể tinh sa, lệch bằng phương pháp Phaco, phối hợp cắt dịch kính ± IOL	x	x		
42.	1560.	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính ± cố định IOL	x	x		
43.	1561.	Cắt thể thủy tinh, dịch kính ± cố định IOL	x	x		
44.	1562.	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao ± IOL	x	x		
45.	1563.	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x		
46.	1564.	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL ± cắt DK	x	x		
47.	1565.	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x		
48.	1566.	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x		
49.	1567.	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x		
50.	1568.	Mở bao sau bằng phẫu thuật	x	x		
51.	1569.	Ghép giác mạc xuyên	x	x		
52.	1570.	Ghép giác mạc lớp	x	x		
53.	1571.	Ghép giác mạc có vành củng mạc	x	x		
54.	1572.	Ghép giác mạc xoay	x	x		
55.	1573.	Ghép nội mô giác mạc	x	x		
56.	1574.	Nối thông lệ mũi ± đặt ống Silicon ± áp MMC	x	x		
57.	1575.	Nối thông lệ mũi nội soi	x	x		
58.	1576.	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản - ống lệ mũi	x	x		
59.	1577.	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rìa tự thân, màng ối...) ± áp thuốc chống chuyển hoá (5FU hoặc MMC)	x	x		
60.	1578.	Gọt giác mạc đơn thuần	x	x		

rah

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
61.	1579.	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thùng giác mạc	x	x		
62.	1580.	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rìa hoặc màng ối	x	x		
63.	1581.	Lấy dị vật hốc mắt	x	x		
64.	1582.	Lấy dị vật trong cùng mạc	x	x		
65.	1583.	Lấy dị vật tiền phòng	x	x		
66.	1584.	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	x	x		
67.	1585.	Cắt mộng mắt quang học ± tách dính phức tạp	x	x		
68.	1586.	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ ± tách dính mi cầu	x	x		
69.	1587.	Cố định màng xương tạo cùng đồ	x	x		
70.	1588.	Cố định bao Tenon tạo cùng đồ dưới	x	x		
71.	1589.	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	x	x		
72.	1590.	Nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x		
73.	1591.	Chích mù mắt	x	x		
74.	1592.	Ghép mỡ điều trị lõm mắt	x	x		
75.	1593.	Đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt	x	x		
76.	1594.	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt	x	x		
77.	1595.	Nâng sàn hốc mắt	x	x		
78.	1596.	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả	x	x		
79.	1597.	Tái tạo cùng đồ	x	x		
80.	1598.	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính	x	x		
81.	1599.	Đóng lỗ dò đường lệ	x	x		
82.	1600.	Tạo hình đường lệ ± điểm lệ	x	x		
83.	1601.	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden...)	x	x		

neh

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT				
	1		2	3			
				A	B	C	D
84.	1602.	Phẫu thuật lác thông thường	x	x			
85.	1603.	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x			
86.	1604.	Chỉnh chỉ sau phẫu thuật lác	x	x			
87.	1605.	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x			
88.	1606.	Sửa sẹo sau phẫu thuật lác	x	x			
89.	1607.	Điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	x	x			
90.	1608.	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x			
91.	1609.	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x			
92.	1610.	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đuôi...) điều trị sụp mi	x	x			
93.	1611.	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi...)	x	x			
94.	1612.	Cắt cơ Muller	x	x			
95.	1613.	Lùi cơ nâng mi	x	x			
96.	1614.	Kéo dài cân cơ nâng mi	x	x			
97.	1615.	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	x	x			
98.	1616.	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	x	x			
99.	1617.	Phẫu thuật cắt cơ Muller ± cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	x	x			
100.	1618.	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo	x	x			
101.	1619.	Khâu cơ kéo mi dưới để điều trị lật mi dưới	x	x			
102.	1620.	Đặt chỉ trước bản sụn làm căng mi, rút ngắn mi hay phối hợp cả hai điều trị lật mi dưới	x	x			
103.	1621.	Phẫu thuật mở rộng khe mi	x	x			
104.	1622.	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x			
105.	1623.	Phẫu thuật Epicanthus	x	x			

nhp

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT				
	1		2	3			
				A	B	C	D
128.	1646.	Lạnh đông điều trị K vồng mạc	x	x			
129.	1647.	Laser điều trị u máu	x	x			
130.	1648.	Ghép da dị loại độc lập	x	x			
131.	1649.	Cắt bề củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x			
132.	1650.	Rạch áp xe túi lệ	x	x			
133.	1651.	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	x	x			
134.	1652.	Đo thị giác tương phản	x	x			
135.	1653.	Khám mắt và điều trị có gây mê	x	x			
136.	1654.	Tập nhược thị	x	x	x		
137.	1655.	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)	x	x	x		
138.	1656.	Cắt bỏ túi lệ	x	x	x		
139.	1657.	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x		
140.	1658.	Lấy dị vật giác mạc	x	x	x		
141.	1659.	Cắt bỏ chấp có bọc	x	x	x		
142.	1660.	Khâu cò mi, tháo cò	x	x	x		
143.	1661.	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x		
144.	1662.	Phẫu thuật lác thông thường	x	x	x		
145.	1663.	Khâu da mi	x	x	x		
146.	1664.	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x		
147.	1665.	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x		
148.	1666.	Khâu phủ kết mạc	x	x	x		
149.	1667.	Khâu giác mạc	x	x	x		
150.	1668.	Khâu củng mạc	x	x	x		

kh

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
151.	1669.	Thăm dò, khâu vết thương cùng mạc	x	x	x	
152.	1670.	Khâu lại mép mô giác mạc, cùng mạc	x	x	x	
153.	1671.	Lạnh đông thể mi	x	x	x	
154.	1672.	Điện đông thể mi	x	x	x	
155.	1673.	Bơm hơi tiền phòng	x	x	x	
156.	1674.	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài	x	x	x	
157.	1675.	Mức nội nhãn	x	x	x	
158.	1676.	Cắt thị thần kinh	x	x	x	
159.	1677.	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	x	x	x	
160.	1678.	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)	x	x	x	
161.	1679.	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ	x	x	x	
162.	1680.	Mô quặm bẩm sinh	x	x	x	
163.	1681.	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x	x	
164.	1682.	Tiêm dưới kết mạc	x	x	x	
165.	1683.	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x	x	
166.	1684.	Tiêm hậu nhãn cầu	x	x	x	
167.	1685.	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
168.	1686.	Lấy máu làm huyết thanh	x	x	x	
169.	1687.	Điện di điều trị	x	x	x	
170.	1688.	Khâu kết mạc	x	x	x	
171.	1689.	Lấy calci đông dưới kết mạc	x	x	x	
172.	1690.	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	
173.	1691.	Đốt lông xiêu	x	x	x	

22/01/2023

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
174.	1692.	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	
175.	1693.	Chích chắp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	
176.	1694.	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	
177.	1695.	Rửa cùng đồ	x	x	x	
178.	1696.	Bóc sợi (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x	
179.	1697.	Bóc giả mạc	x	x	x	
180.	1698.	Rạch áp xe mi	x	x	x	
181.	1699.	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	
182.	1700.	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x	
183.	1701.	Soi đáy mắt bằng Schepens	x	x	x	
184.	1702.	Soi góc tiền phòng	x	x	x	
185.	1703.	Cắt chỉ khâu da	x	x	x	x
186.	1704.	Cấp cứu bong mắt ban đầu	x	x	x	x
187.	1705.	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	x
188.	1706.	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
189.	1707.	Khám mắt	x	x	x	x
		XV. UNG BƯỚU - NHI				
		Đ. CƠ - XƯƠNG - KHỚP				
190.	2378	Điều trị chứng giật mí mắt bằng tiêm Dysport (Botulium)	x	x	x	
		D. MẮT				
191.	2539.	Cắt u mi cả bề dày ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x			
192.	2540.	Cắt u nội nhãn	x			
193.	2541.	Cắt u hốc mắt bên và sau nhãn cầu có mở xương hốc mắt	x			
194.	2542.	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ	x			

nat

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			3			
			A	B	C	D
195.	2543.	Cắt u mi cả bề dày không vá	x	x		
196.	2544.	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
197.	2545.	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x		
198.	2546.	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x		
199.	2547.	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	x	x		
200.	2548.	Cắt u kết mạc, giác mạc không vá	x	x		
201.	2549.	Cắt u kết mạc không vá	x	x		
202.	2550.	Cắt u kết mạc, giác mạc cú ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x		
203.	2551.	Cắt u tiền phòng	x	x		
204.	2552.	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt	x	x		
205.	2553.	Cắt ung thư hốc mắt đã xâm lấn các xoang: xoang hàm, xoang sàng ...	x	x		
206.	2554.	Nạo vết tổ chức hốc mắt	x	x		
		XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ				
		3. Mắt				
207.	2911.	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
208.	2912.	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	x	x		
209.	2913.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị hờ mi	x	x		
210.	2914.	Phẫu thuật điều trị hờ mi	x	x		
211.	2915.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị trĩ mi	x	x		
212.	2916.	Phẫu thuật điều trị trĩ mi dưới	x	x		
213.	2917.	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	x	x		
214.	2918.	Mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hồng hàm mắt	x	x		
215.	2919.	Phẫu thuật tạo hình mi mắt toàn bộ	x	x		

hak

STT	TT THEO TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT				
	1		2	3			
				A	B	C	D
216.	2920.	Phẫu thuật tạo hình mí mắt từng phần	x	x			
217.	2921.	Phẫu thuật tạo hình mí mắt kết hợp các bộ phận xung quanh	x	x			
218.	2922.	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí	x	x			
219.	2923.	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mí mắt	x	x			
220.	4215.	Đo khúc xạ khách quan	x				

hak

